

## MỤC LỤC

### KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

---

1. **Phạm Tuấn Anh và Nguyễn Thu Hà** - Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ đa dạng hóa thu nhập của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam. **Mã số 121.1GEMg.11** 2  
*Determinants of Rural Households Income Diversification in Vietnam*
2. **Ngô Thị Mỹ và Phạm Minh Đạt** - Nghiên cứu hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Philippines từ góc nhìn của các yếu tố ảnh hưởng. **Mã số 121.1IIEEM.11** 14  
*A Study on Goods Exports of Philippines: A View from Determinants*

### QUẢN TRỊ KINH DOANH

---

3. **Nguyễn Hữu Cường và Võ Hoàng Tùng** - Công bố thông tin về quản lý rủi ro của các công ty thuộc ngành tài chính niêm yết ở Việt Nam. **Mã số 121.2FiBa.21** 24  
*Disclosure of Information on Risk Management in Financial Listed Companies in Vietnam*
4. **Triệu Đình Phương và Phan Chí Anh** - Quan hệ giữa quản trị chất lượng nhà cung cấp và kết quả hoạt động tại một số doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện - điện tử Việt Nam. **Mã số 121.2BAAdm.21** 33  
*Relations between Supplier Quality Management and Business Performance at Electric – Electronic Equipment Producers in Viet Nam*
5. **Phan Thanh Hoàn** - Tiềm năng xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong bối cảnh Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). **Mã số 121.2IBMg.21** 44  
*Potentials for Viet Nam Seafood Exports in the Context of Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP)*

### Ý KIẾN TRAO ĐỔI

---

6. **Hsin-Kuang Chi and Yan-Ting Lai and Ching-Feng Chang** - An Empirical Study of Top Management Characteristics and Entrepreneurship on Firms Competence and Performance 56  
*Nghiên cứu thực nghiệm về đặc điểm của quản trị cấp cao và tinh thần doanh nhân đối với năng lực và hiệu quả của doanh nghiệp. Mã số 121.3HRMg.31*

## CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MỨC ĐỘ ĐA DẠNG HÓA THU NHẬP CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH NÔNG THÔN VIỆT NAM

Phạm Tuấn Anh

Trường Đại học Thương mại  
Email: phamtuananhvuc@gmail.com

Nguyễn Thu Hà

Trường Đại học Thương mại  
nguyenthuha1113@gmail.com

**Ngày nhận:** 28/07/2018

**Ngày nhận lại:** 20/08/2018

**Ngày duyệt đăng:** 30/08/2018

*Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích hồi quy, với bộ dữ liệu Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam 2012-2016 do Tổng cục Thống kê điều tra và công bố. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ đa dạng hóa thu nhập của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam bao gồm: (i) nhóm nhân tố về đặc điểm nhân khẩu của chủ hộ như tuổi, trình độ học vấn và dân tộc; (ii) Các nhân tố về đặc điểm của hộ gia đình như: quy mô hộ gia đình; tỷ lệ lao động; nguồn vốn nhân lực; tài sản; thu nhập bình quân; chi tiêu cho nhu cầu ăn uống thường xuyên và y tế; (iii) các đặc điểm của địa phương nơi cư trú của hộ gia đình như: xã thuộc chương trình 135, xã có chợ, xã có cơ sở sản xuất, xã có làng nghề và khoảng cách từ xã đến trung tâm khuyến nông gần nhất.*

**Từ khóa:** đa dạng hóa thu nhập, hộ gia đình, nông thôn, Việt Nam

### 1. Giới thiệu

Đa dạng hóa thu nhập của các hộ gia đình nông thôn tại các nước đang phát triển là một chủ đề nghiên cứu thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu và các nhà hoạch định chính sách (Damite và Negatu, 2004; Ellis, 2000; Bernard và cộng sự, 2014; Raphael O. Babatunde và Martin Qaim, 2009). Đa dạng hóa thu nhập (ĐDHTN) để cập đến sự phân bổ các nguồn lực sản xuất vào các hoạt động nhằm tạo ra các nguồn thu nhập khác nhau từ các hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp (Abdulai và Crolerees, 2001). Theo Barrett, Reardon, Webb (2001), có rất ít hộ gia đình mà toàn bộ thu nhập của họ chỉ từ một nguồn hoặc sử dụng toàn bộ nguồn lực sản xuất của họ chỉ cho một hoạt động duy nhất nhằm tạo ra thu nhập. Các nhà nghiên cứu đưa ra một số lý do giải thích cho hành vi đa dạng hóa thu nhập của hộ gia

đình bao gồm: (i) để tăng thu nhập khi nguồn tài nguyên dành cho các hoạt động chính bị hạn chế hoặc không được cung cấp đầy đủ (Minot và cộng sự, 2006); (ii) để giảm rủi ro thu nhập do bị thiên tai hoặc các biến động khác (Reardon, 1997; Barrett, Bezuneh, Abond, 2001); (iii) để khai thác lợi thế trong chiến lược hỗ trợ và kết hợp giữa các hoạt động khác nhau (Raphael O. Babatunde và Martin Qaim, 2009); (iv) để kiếm thêm thu nhập dành đầu tư cho các hoạt động nông nghiệp khi không có cơ hội tiếp cận thị trường tín dụng (Reardon, 1997; Ruben Vandenberg, 2001).

Đặc điểm chung của các nghiên cứu đã công bố về ĐDHTN của các hộ gia đình nông thôn là được nghiên cứu trên dữ liệu của các nước nghèo, có thu nhập bình quân đầu người thấp, với mục đích tìm ra sinh kế cho các hộ gia đình nhằm thoát khỏi tình trạng nghèo đói và kém

phát triển. Nhóm các nhân tố được chỉ ra trong các nghiên cứu có những yếu tố chung thuộc về đặc điểm của chủ hộ, của hộ gia đình và của môi trường nơi cư trú, tùy thuộc dữ liệu và quốc gia hoặc khu vực nghiên cứu.

Các nghiên cứu đã công bố tập trung vào việc chỉ ra các nhân tố chính ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập (ĐDHTN) của các nông hộ tại các nước hoặc các khu vực đang phát triển thuộc Châu Phi và Châu Á như Ghana, Ethiopia, Mali, Zimbabwe, Nigeria, Indonesia, Việt Nam,... Các kết quả nghiên cứu khá phong phú và chưa có sự thống nhất về các nhân tố ảnh hưởng cũng như mức độ ảnh hưởng của chúng đến đa dạng hóa thu nhập (Ellis, 1998; Schwarze và Zeller, 2005; Abdulai và Crolerees, 2001). Trong khi đó, hiểu biết về các nhân tố ảnh hưởng đến ĐDHTN cũng như vai trò của nó đối với tăng thu nhập và nâng cao mức sống của các hộ gia đình không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với các hộ gia đình trong phát triển sinh kế mà còn là cơ sở ra quyết định đối với các nhà phân tích và hoạch định chính sách trong công cuộc đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo hướng đến phát triển bền vững. Do đó, nghiên cứu đối với các hộ gia đình nông thôn Việt Nam nhằm tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ ĐDHTN là rất cấp thiết và có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

Phần tiếp theo của bài báo giới thiệu về cơ sở lý thuyết và khung phân tích, sau đó trình bày chi tiết về phương pháp nghiên cứu, tiếp đến là các kết quả nghiên cứu thực nghiệm. Phần cuối cùng của bài báo dành cho những kết luận và khuyến nghị chính sách.

## **2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu**

### **2.1. Khái niệm và đo lường mức độ đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình**

Đa dạng hóa thu nhập nói chung đề cập đến chiến lược thu nhập trong sinh kế của các hộ gia đình nông thôn nhằm tăng nguồn thu từ các hoạt động kinh tế khác nhau (Start, 2001; Sarah và

Céline 2017). Chiến lược thu nhập có thể liên quan đến đa dạng hóa thu nhập từ các hoạt động nông nghiệp, hoặc kết hợp các hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp hoặc có thể chỉ đa dạng các hoạt động phi nông nghiệp (Reardon và cộng sự, 2006; Sarah và Céline, 2017). Theo Minot và cộng sự, 2006; Ronning và Koveried, 2006; Bernard và cộng sự, 2014, đa dạng hóa thu nhập được định nghĩa là *một tình huống mà các hộ gia đình nông thôn dựa vào thu nhập từ nhiều nguồn; cả nông nghiệp và phi nông nghiệp*.

Đa dạng hóa thu nhập thường được đo lường dựa vào thu nhập vì nó là chỉ tiêu phản ánh rõ nhất kết quả đầu ra của các hoạt động kinh tế (Barrett và Reardon, 2000). Mức độ đa dạng hóa thu nhập thường được phân tích bởi tỷ trọng thu nhập từ các hoạt động khác nhau trong tổng thu nhập của hộ gia đình.

Chỉ số được sử dụng phổ biến nhất trong tài chính, kinh tế, và các nghiên cứu khoa học xã hội để đo lường mức độ ĐDHTN là chỉ số Herfindahl - Hirshman (HHI). HHI được tính bằng tổng bình phương các tỷ trọng của mỗi nguồn thu nhập (Anderson và Deshingkar, 2005; Barrett và Reardon, 2000; Bradshaw, Dolan và Smit, 2004; Zhao và Barry, 2013), với công thức tính:

$$HHI = \sum_i P_i^2$$

Trong đó,  $P_i$  là tỷ trọng trong tổng thu nhập từ nguồn thu thứ  $i$ .

HHI được tính dựa trên tỷ trọng các nguồn thu trong tổng thu nhập, vậy nên nó vô cùng nhạy cảm với sự thay đổi số liệu ở những nguồn thu nhập sẵn có. Việc chỉ số này hữu ích trong việc phân chia tỷ trọng các nguồn thu đã giúp cung cấp thêm một quan điểm đa chiều đối với hành vi đa dạng hóa (Barrett và Reardon, 2000). Chỉ số này cho thấy sự gia tăng của hỗn hợp những hoạt động có đóng góp trong tổng thu nhập của hộ gia đình, có tính đến cả số lượng nguồn thu và mức độ đóng góp của từng nguồn (Zhao và Barry, 2013).

HHI nhận giá trị trong khoảng từ 0 đến 1 và lớn nhất bằng 1 khi hộ gia đình chỉ có một nguồn thu duy nhất.

Để thuận tiện trong đánh giá mức độ đa dạng hóa thu nhập theo số nguồn thu, nhiều nghiên cứu sử dụng IHI là chỉ số nghịch đảo của HHI được tính như sau:

$$IHI = \frac{1}{HHI} = \frac{1}{\sum_i P_i^2}$$

IHI nhận giá trị nhỏ nhất bằng 1 khi hộ gia đình chỉ có một nguồn thu duy nhất và nhận giá trị lớn nhất bằng số nguồn thu (mức đa dạng hóa cao). IHI càng lớn, mức độ ĐDHTN của hộ gia đình càng cao, do vậy, sử dụng IHI giúp các kết quả đánh giá mức độ ĐDHTN của hộ gia đình trở nên trực quan hơn so với HHI.

### **2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình**

Các hộ gia đình thực hiện chiến lược ĐDHTN chủ yếu dựa trên các nhân tố “kéo” và “đẩy” (Barrett, Reardon và cộng sự, 2001; Haggblade và cộng sự, 2007; Trần Tiến Khai và Nguyễn Ngọc Danh, 2014; Sarah và Céline, 2017). Lý thuyết kéo - đẩy về sự đa dạng dựa trên các nguyên lý của kinh tế học tân cổ điển như tối đa hóa lợi ích, sự lựa chọn hợp lý, giá các yếu tố sản xuất có sự khác nhau giữa các vùng và các quốc gia, sự di chuyển lao động (Singh, Squire, và Strauss, 1986; Taylor và Adelman, 2003).

Các yếu tố “đẩy” là các yếu tố tiêu cực có thể buộc các hộ nông dân tìm kiếm các hoạt động sinh kế bổ sung trong và/hoặc ngoài các hoạt động nông nghiệp. Chúng bao gồm các yếu tố như rủi ro, mùa vụ, sự khan hiếm hoặc khó khăn về đất đai do áp lực dân số, đô thị hóa và phân mảnh trong sở hữu đất đai, hoặc do thị trường các nhân tố (đất, vốn, lao động) không hoàn hảo; gặp khó khăn trong vấn đề mở rộng thị trường do cơ sở hạ tầng kém và chi phí giao dịch cao (Barrett, Reardon và cộng sự, 2001; Ellis,

2000b). Các yếu tố “đẩy” có khuynh hướng và tiềm năng ảnh hưởng đến môi trường nông nghiệp như: hạn hán, lũ lụt và suy thoái môi trường (Haggblade, Hazell và Reardon, 2010). Các nhân tố “đẩy” dẫn đến đa dạng hóa, theo đó nông hộ nghèo hơn bị “đẩy” mạnh hơn để tham gia vào các hoạt động phi nông nghiệp có thu nhập thấp để đảm bảo sự sống còn, để giảm tổn thương hoặc để tránh rơi sâu hơn vào đói nghèo (Haggblade và cộng sự, 2007).

Mặt khác, các yếu tố “kéo” là các yếu tố tích cực cung cấp các lợi thế cho người dân mở rộng các hoạt động sinh kế trong và/hoặc ngoài các hoạt động nông nghiệp. Ví dụ như: thương mại hóa nông nghiệp, cải thiện cơ sở hạ tầng, vị trí gần một khu đô thị, cải thiện tiếp cận thị trường, sự phát triển của thị trường lao động, cải tiến trong giáo dục và công nghệ (Barrett, Reardon và cộng sự, 2001; Haggblade và cộng sự, 2007; Losch và cộng sự, 2012). Các yếu tố “kéo” như vậy có xu hướng và tiềm năng ảnh hưởng trong môi trường nông nghiệp rủi ro ít hơn, năng động hơn (Haggblade và cộng sự, 2010). Các nhân tố “kéo” dẫn đến đa dạng hóa thu nhập và thường “kéo” các hộ nông thôn giàu có tham gia vào các hoạt động phi nông nghiệp mang lại thu nhập cao, nhằm tăng thu nhập và tối đa hóa lợi nhuận từ tài sản của họ (Haggblade và cộng sự, 2007). Hơn nữa, đảm bảo mức sống tốt hơn thông qua đa dạng hóa là một quá trình tích lũy đòi hỏi khả năng kiếm tiền và đầu tư nhằm đa dạng hóa các hoạt động sản xuất (Ellis và Freeman, 2004).

Theo lý thuyết kéo - đẩy, chúng tôi giả thuyết rằng hành vi đa dạng hóa thu nhập của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam chủ yếu liên quan đến các yếu tố “đẩy” và/hoặc “kéo”. Chúng tôi kỳ vọng các hộ gia đình sống ở các vùng nông thôn kém phát triển, nơi có các yếu tố “đẩy” phổ biến hơn (chẳng hạn như tiếp cận thị trường nghèo nàn, điều kiện canh tác khó khăn và thiếu các cơ hội phi nông nghiệp) (Haggblade và cộng sự, 2007,

2010), tham gia vào các hoạt động đa dạng hóa thu nhập như một phương tiện để tồn tại. Ngược lại, các hộ gia đình sống ở vùng nông thôn tương đối năng động, nơi các yếu tố “kéo” phổ biến hơn (như cơ sở hạ tầng tốt hơn và có nhiều cơ hội tiếp cận thị trường, sản xuất nông nghiệp, nhiều cơ hội tham gia các hoạt động phi nông nghiệp), do đó các hộ gia đình có cơ hội để tham gia vào các hoạt động đa dạng hóa thu nhập hấp dẫn (Hagglblade và cộng sự, 2007, 2010).

**3. Phương pháp và mô hình nghiên cứu**

**3.1. Dữ liệu và các biến số**

Nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp được trích xuất từ Bộ dữ liệu Khảo sát mức sống hộ gia đình

Việt Nam - VHLSS 2012, 2014 và 2016 do Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện với sự tài trợ của Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc (United Nations Development Programme - UNDP).

Các biến độc lập thuộc nhóm đặc điểm chủ hộ; đặc điểm của hộ gia đình và đặc điểm của địa phương được đề xuất từ việc tham khảo các nghiên cứu đã công bố có liên quan đến chủ đề ĐDHTN. (Bảng 1)

Kế thừa và phát triển các kết quả nghiên cứu trước đây, trong nghiên cứu này, chúng tôi đề xuất một số biến độc lập trong mô hình hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến ĐDHTN như sau:

**Bảng 2: Các biến độc lập trong mô hình**

Tên biến	Giải thích biến	Dấu kỳ vọng
age	Tuổi của chủ hộ	(+)
dt	Dân tộc của chủ hộ (là biến giả, nhận giá trị 1 nếu chủ hộ là dân tộc Kinh/Hoa, nhận giá trị 0 trong các trường hợp khác)	(+/-)
edu	Số năm đi học bình quân của thành viên hộ gia đình	(+)
sotv	Số thành viên trong hộ: đại diện cho quy mô hộ gia đình	(-)
tlld	Tỷ lệ lao động: được tính bằng tỷ lệ giữa số lao động trong hộ gia đình và số thành viên của hộ	(+)
dtnhabq	Diện tích nhà ở bình quân (m <sup>2</sup> /người) của hộ gia đình	(+/-)
thubq	Thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình (nghìn đồng/người/tháng)	(-)
chiyte	Chi tiêu cho y tế của hộ gia đình (nghìn đồng/năm)	(+/-)
chicb	Chi tiêu cho ăn uống thưng xuyên (nghìn đồng/tháng)	(+/-)
kcttkn	Khoảng cách từ xã tới trung tâm khuyến nông gần nhất (km)	(+/-)
xa135	Xã thuộc chương trình 135 của Chính phủ: là biến giả, nhận giá trị 1 nếu xã có thuộc chương trình, nhận giá trị 0 nếu xã không thuộc chương trình	(+)
choxa	Chợ xã (là biến giả, nhận giá trị 1 nếu có chợ xã hoặc liên xã, nhận giá trị 0 nếu không có chợ thuộc địa bàn xã)	(+/-)
cssx	Cơ sở sản xuất (là biến giả, nhận giá trị 1 nếu xã có cơ sở sản xuất thu hút lao động, nhận giá trị 0 nếu xã không có cơ sở sản xuất thu hút lao động)	(+/-)
langnghe	Làng nghề (là biến giả, nhận giá trị 1 nếu xã có làng nghề thu hút lao động, nhận giá trị 0 nếu không có làng nghề thu hút lao động)	(+/-)

*Nguồn: Nghiên cứu của các tác giả*

**Bảng 1:** Một số biến giải thích từ tổng quan nghiên cứu

<b>Nhóm yếu tố</b>	<b>Biến</b>	<b>Một số nghiên cứu có sử dụng biến</b>
Đặc điểm của chủ hộ	Tuổi của chủ hộ	Abdulai và CroleRees, 2001; Agyeman, Asuming - Brempong và Onumah, 2014; Alobo và Bignebat, 2017; Escobal, 2001; Hứa Thị Phương Chi và Nguyễn Minh Đức, 2016; Janvry, Sadoulet và Zhu, 2015; Minot, Epprecht, T.T.T.Anh and L.Q. Trung, 2006
	Giới tính của chủ hộ	Agyeman, Asuming -Brempong và Onumah, 2014; Alobo và Bignebat, 2017; Escobal, 2001; Hứa Thị Phương Chi và Nguyễn Minh Đức, 2016; Janvry, Sadoulet và Zhu, 2015; Minot, Epprecht, T.T.T.Anh and L.Q. Trung, 2006
	Trình độ học vấn của chủ hộ	Agyeman, Asuming -Brempong và Onumah, 2014; Alobo và Bignebat, 2017; Escobal, 2001; Hứa Thị Phương Chi và Nguyễn Minh Đức, 2016; Janvry, Sadoulet và Zhu, 2015; Trần Tiến Khai và Nguyễn Ngọc Danh, 2014
	Dân tộc	Minot, Epprecht, T.T.T.Anh and L.Q. Trung, 2006; Trần Tiến Khai và Nguyễn Ngọc Danh, 2014
Đặc điểm của hộ gia đình	Quy mô của hộ gia đình	Abdulai và CroleRees, 2001; Alobo và Bignebat, 2017; Hứa Thị Phương Chi và Nguyễn Minh Đức, 2016; Minot, Epprecht, T.T.T.Anh and L.Q. Trung, 2006
	Số năm đi học trung bình của hộ	Escobal, 2001; Hứa Thị Phương Chi và Nguyễn Minh Đức, 2016
	Vốn vật chất như vốn vay	Agyeman, Asuming -Brempong và Onumah, 2014; Alobo và Bignebat, 2017; Escobal, 2001; Trần Tiến Khai và Nguyễn Ngọc Danh, 2014
Đặc điểm của địa phương	Khoảng cách đến chợ	Escobal, 2001; Minot, Epprecht, T.T.T.Anh and L.Q. Trung, 2006

*Nguồn: Nghiên cứu của các tác giả*



Kết quả phân tích thống kê mô tả giá trị của các biến định lượng từ dữ liệu được trình bày trong bảng 3.

cho thấy hệ số phóng đại phương sai đều nhỏ hơn 2 chứng tỏ mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến; (iii) Kiểm định về tương quan giữa phần dư

**Bảng 3:** Thống kê mô tả một số biến định lượng

Biến số	Số quan sát	Giá trị trung			
		bình	Độ lệch chuẩn	Min	Max
Age	46,211	35.2354	21.64444	0	105
Sotv	46,211	4.016793	1.593993	1	15
Dtnhabq	46,167	22.45484	17.27908	2	450
Thubq	57,266	2216.841	2192.288	-5918	110143
Chiyte	57,266	4089.336	9926.35	0	306965
Chicb	57,266	2928.815	2089.868	0	47158

*Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả trên VHLSS 2012-2016 bằng phần mềm STATA (Ghi chú: Các số trong bảng được viết theo chuẩn quốc tế)*

**3.2. Mô hình nghiên cứu**

Để phân tích sâu hơn các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ ĐDHTN, chúng tôi sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính với biến phụ thuộc là chỉ số đo mức độ đa dạng hóa thu nhập IHI.

Mô hình nghiên cứu được thiết kế như sau:

$$IHI = \beta_0 + \beta_1 * age + \beta_2 * dt + \beta_3 * edu + \beta_4 * sotv + \beta_5 * tld + \beta_6 * dtnhabq + \beta_7 * thubq + \beta_8 * chiyte + \beta_9 * chicb + \beta_{10} * xa135 + \beta_{11} * kctkn + \beta_{12} * choxa + \beta_{13} * cssx + \beta_{14} * langnghe + \epsilon$$

Trong đó:

+ các biến độc lập đã được giải thích trong bảng 2;

+  $\epsilon$  là sai số ngẫu nhiên có trung bình bằng 0, phương sai không đổi.

Sau khi tiến hành các thủ tục ước lượng bao gồm việc loại bỏ bớt các biến không có ý nghĩa thống kê và kiểm định mô hình để phát hiện các khuyết tật, bao gồm: (i) Kiểm định Breusch-Pagan cho mức xác suất p nhỏ hơn 5%, chứng tỏ mô hình mô hình có hiện tượng phương sai sai số thay đổi. Do đó, mô hình được ước lượng lại bằng phương pháp sai số chuẩn vững (có thêm robust) để khắc phục hiện tượng này; (ii) Kiểm định đa cộng tuyến

và các biến độc lập (không có hiện tượng nội sinh) bằng cách ước lượng mô hình, tạo phần dư và ước lượng mô hình giữa phần dư với các biến độc lập. Kết quả cho thấy, không có sự tương quan giữa nhiều với các biến độc lập. Mô hình cuối cùng đảm bảo vượt qua các kiểm định đã nêu.

**4. Kết quả nghiên cứu**

**4.1. Mức độ đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình nông thôn Việt Nam**

Mức độ đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình được đo bằng chỉ số IHI. Chỉ số này nhận giá trị nhỏ nhất là 1, khi hộ gia đình chỉ có một nguồn thu, và nhận giá trị lớn nhất là 9, khi hộ gia đình có thu nhập từ cả 9 nguồn thu được đề cập đến trong nghiên cứu và các nguồn thu đóng góp vào tổng thu nhập với tỷ trọng bằng nhau. 9 nguồn thu bao gồm:

- Thu nhập từ trồng trọt: gồm các nguồn thu từ trồng cây lương thực, cây hoa màu, cây ăn quả, cây công nghiệp, ...;
- Thu nhập từ chăn nuôi;
- Thu nhập từ săn bắt;
- Thu nhập từ lâm nghiệp;
- Thu nhập từ thủy sản;

## KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- Thu nhập từ các dịch vụ nông nghiệp;
- Thu nhập từ các hoạt động sản xuất kinh doanh phi nông-lâm-thủy sản;
- Thu nhập từ lương;
- Thu nhập khác: bao gồm các nguồn thu từ cho thuê đất, cho thuê nhà, thu nhập từ các khoản trợ cấp và một số nguồn khác.

Tỷ trọng thu nhập từ trồng trọt của vùng Trung du và miền núi phía Bắc (33,53%), vùng Tây Nguyên (51,61%) và vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (27,85%) đều cao hơn tỷ trọng nguồn thu này của cả nước (26,96%). Điều này cho thấy sự hợp lý khi điều kiện tự nhiên về khí hậu, thổ nhưỡng và đặc điểm dân cư của các

**Bảng 4:** Thống kê tỷ trọng các nguồn thu của hộ gia đình theo vùng

Đơn vị: %

Vùng	Trồng trọt	Chăn nuôi	Săn bắt	Lâm nghiệp	Thủy sản	DVNN	Phi NLTS	Lương	Thu khác
1	16.80	7.38	0.01	0.28	2.56	0.45	14.37	39.28	18.87
2	33.53	12.36	0.08	8.67	1.49	0.26	6.84	26.09	10.69
3	20.58	9.44	0.13	3.73	1.86	0.63	10.77	34.73	18.13
4	51.61	5.35	0.23	2.53	0.63	0.26	5.91	25.25	8.23
5	22.12	3.57	0.03	0.14	0.87	0.46	12.67	47.82	12.31
6	27.85	4.29	0.07	0.32	7.87	0.47	12.00	30.34	16.80
<b>Cả nước</b>	<b>26.96</b>	<b>8.69</b>	<b>0.08</b>	<b>3.88</b>	<b>2.69</b>	<b>0.42</b>	<b>10.22</b>	<b>32.22</b>	<b>14.84</b>

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả trên VHLSS 2012-2016 bằng phần mềm STATA  
(Ghi chú: Các số trong bảng được viết theo chuẩn quốc tế)

Bảng 4 cho ta có một cái nhìn cụ thể về tỷ trọng của các nguồn thu theo từng vùng kinh tế trong cả nước (Vùng 1: Đồng bằng Sông Hồng; Vùng 2: Trung du và miền núi phía Bắc; Vùng 3: Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; Vùng 4: Tây Nguyên; Vùng 5: Đông Nam Bộ; Vùng 6: Đồng bằng Sông Cửu Long).

Ở hầu hết các vùng, nguồn thu nhập từ lương chiếm tỷ trọng lớn nhất, tiếp đến là thu nhập từ trồng trọt và từ các hoạt động sản xuất kinh doanh phi nông lâm thủy sản. Các ngành khác sẽ tùy theo đặc điểm riêng của từng vùng mà chiếm tỷ trọng tương ứng. Cũng qua đây, ta thấy ở tất cả các vùng, các hộ gia đình nông thôn đã có xu hướng mở rộng hoạt động sang nhiều hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp khác nhau để tạo thêm thu nhập.

vùng này đều thuận lợi cho việc phát triển trồng trọt cây lương thực, cây ăn quả và cây công nghiệp.

Với tỷ trọng nguồn thu từ hoạt động chăn nuôi, vùng Trung du và miền núi phía Bắc (12,36%); vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung (9,44%) đều có tỷ trọng nguồn thu này cao hơn cả nước (8,69%). Sự đa dạng địa hình, khí hậu, tài nguyên nước và sự phát triển của đồng cỏ ở Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung tác động tích cực tới việc nâng cao thu nhập từ chăn nuôi. Với nguồn thu từ lâm nghiệp, tỷ trọng nguồn thu này của vùng Trung du và miền núi phía Bắc cao nhất cả nước với 8,67%. Thế mạnh về địa hình đồi núi giúp hệ sinh thái rừng phát triển ở vùng này. Tỷ trọng thu nhập từ hoạt



động thủy sản của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (7,87%) cao nhất trong sáu vùng và cao gấp 3 lần tỷ trọng này của cả nước (2,69%). Sự thuận lợi của hệ thống sông ngòi trong lưu vực sông Mê Kông tạo cơ hội phát triển nguồn thu nhập từ thủy sản. Đối với hoạt động phi nông lâm thủy sản, tỷ trọng nguồn thu này ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc, và vùng Tây Nguyên chiếm phần khá nhỏ.

Mức độ đa dạng hóa thu nhập của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam

**Bảng 5:** Thống kê mức độ đa dạng hóa thu nhập - chỉ số IHI

Số quan sát	Giá trị trung bình	Sai số chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
IHI	37.331	2,20682	0,1153826	6,627732

*Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả trên VHLSS 2012-2016 bằng phần mềm STATA*

Kết quả đo lường mức độ đa dạng hóa thu nhập được thể hiện trong Bảng 5 cho thấy qua quan sát 37.331 hộ gia đình nông thôn, mức độ đa dạng hóa thu nhập có giá trị trung bình là 2,21; trong đó mức độ ĐDHTN lớn nhất là 6,6277 và nhỏ nhất là 0,1154.

Kết quả thống kê về mức độ đa dạng hóa thu nhập theo năm nhóm hộ gia đình có mức thu nhập từ hộ nghèo tới hộ có thu nhập cao được trình bày trong bảng 6.

**Bảng 6:** Mức độ đa dạng hóa thu nhập theo nhóm thu nhập

Năm	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ thu nhập trung bình	Hộ thu nhập khá	Hộ thu nhập cao	Cả nước
2012	2,49	2,22	2,06	1,97	1,79	2,16
2014	2,54	2,35	2,18	2,08	1,95	2,23
2016	2,56	2,52	2,26	2,14	1,93	2,23
2012-2016	2,52	2,34	2,16	2,06	1,91	2,21

*Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả trên VHLSS 2012-2016 bằng phần mềm STATA*

Dữ liệu trong Bảng 6 cho biết nhóm hộ nghèo có thu nhập bình quân đầu người thấp nhất nhưng

có chỉ số IHI cao nhất so với nhóm hộ gia đình khác, với IHI = 2,53. Hộ cận nghèo, hộ thu nhập trung bình và hộ thu nhập khá đều có mức ĐDHTN lớn hơn 2, hộ có thu nhập bình quân đầu người cao nhất lại có mức độ đa dạng hóa thấp nhất và nhỏ hơn 2 (chỉ số IHI = 1,91). Chỉ số IHI tính được của cả năm nhóm thu nhập là 2,21. Như vậy, mức độ ĐDHTN của hộ nghèo và hộ cận nghèo cao hơn mức đa dạng hóa thu nhập trung bình trong mẫu khảo sát.

#### 4.2. Kết quả ước lượng

Kết quả ước lượng trong bảng 7 cho thấy: tuổi của chủ hộ càng cao thì IHI có xu hướng tăng. Hộ gia đình có chủ hộ là người dân tộc Kinh/Hoa có mức độ ĐDHTN lại thấp hơn các HGD có chủ hộ là người dân tộc thiểu số.

Nhóm nhân tố về đặc điểm của HGD: Trình độ nhân lực đo bằng số năm đi học bình quân đầu người; quy mô HGD đo bằng số thành viên trong hộ có ảnh hưởng tích cực đến mức ĐDHTN. Diện

diện tích nhà ở bình quân đầu người càng lớn thì chỉ số IHI càng giảm. Điều này có thể giải thích bởi sự sở hữu tài sản, nguồn vốn vật chất sẵn có giúp HGD nông thôn đầu tư và phát triển nguồn thu hiện tại theo chiều sâu và không quá chú tâm đẩy mạnh đa dạng thêm nhiều nguồn thu nhập. Bên cạnh đó, thu nhập bình quân đầu người có ảnh hưởng ngược chiều đến mức ĐDHTN, phù hợp với dấu hiệu đã phân tích: các HGD thu nhập thấp ở mức nghèo hoặc cận nghèo có mức ĐDHTN cao hơn các HGD thu nhập cao. Chi cho y tế và chi tiêu cơ bản cho các nhu cầu ăn uống thường xuyên đều có ảnh hưởng đến mức ĐDHTN, nhưng theo chiều hướng khác nhau. Các HGD chi cho y tế cao thì có mức ĐDHTN cao hơn, các HGD chi cho ăn uống thường xuyên cao hơn lại có mức ĐDHTN thấp hơn. Điều này có thể do chi cơ bản phụ thuộc vào mức thu nhập nên có xu hướng ảnh hưởng đến ĐDHTN cùng chiều với thu nhập bình quân (Bảng 7).

Các yếu tố thuộc đặc điểm của địa phương: HGD ở xã thuộc Chương trình 135 của Chính phủ có mức ĐDHTN cao hơn, có thể do các HGD được thụ hưởng những ưu đãi về cơ sở hạ tầng của chương trình 135 nên có thêm cơ hội thu nhập từ nhiều nguồn thu khác nhau. Khoảng cách tới trung tâm khuyến nông càng xa thì chỉ số IHI càng cao. Điều này có thể giải thích bởi sự thiếu đi sự hướng dẫn và trợ giúp của trung tâm khuyến nông khiến thu nhập từ hoạt động nông nghiệp còn thấp, đẩy HGD tìm kiếm những nguồn thu nhập khác nhau.

Các HGD thuộc xã có làng nghề, có chợ hay có cơ sở sản xuất lại có mức ĐDHTN thấp hơn các HGD thuộc xã không có làng nghề, không có chợ hay không có cơ sở sản xuất. Có thể luận giải điều này do dân thuộc các xã có làng nghề, có chợ hay có cơ sở sản xuất tập trung vào một số công việc mang lại thu nhập chính cho họ mà không dàn trải nguồn lực vào các công việc khác nhau do đó các HGD có mức ĐDHTN thấp hơn.

Lấy vùng ĐBSH làm chuẩn so sánh, vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung có hệ số hồi quy mang dấu dương. Điều này có thể thấy mức độ ĐDHTN của hai vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung cao hơn mức độ ĐDHTN của vùng Đồng bằng Sông Hồng. Có thể lý giải rằng địa hình Trung du và miền núi phía Bắc khó khăn từ cơ sở hạ tầng đến điều kiện tự nhiên đồi núi hiểm trở đã ảnh hưởng đến mức độ ĐDHTN của vùng này cao hơn vùng Đồng bằng Sông Hồng. Các HGD ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc vì thế mà có xu hướng tìm kiếm thêm nhiều nguồn thu hơn. Biến vùng Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long mang dấu âm, tức là mức độ ĐDHTN của ba vùng này thấp hơn mức độ ĐDHTN của vùng Đồng bằng Sông Hồng. Điều này có thể lý giải điều kiện tự nhiên ở những vùng này thuận lợi giúp các HGD tập trung vào một số hoạt động đem lại nguồn thu nhập cao hay nguồn thu nhập chủ yếu cho HGD.

## **5. Kết luận và khuyến nghị chính sách**

### ***Kết luận chung***

Mô hình phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ ĐDHTN cho thấy: (i) các đặc điểm về nhân khẩu của chủ hộ (tuổi, dân tộc); (ii) các đặc điểm của hộ gia đình (quy mô; học vấn; nguồn vốn nhân lực, tài sản, thu nhập và chi tiêu); (iii) các đặc điểm của địa phương (xã thuộc chương trình 135; xã có chợ; xã có cơ sở sản xuất; xã có làng nghề) đều có ảnh hưởng đến mức độ ĐDHTN theo các mức khác nhau.

### ***Khuyến nghị chính sách***

Từ các kết quả nghiên cứu định lượng, chúng tôi xin đề xuất một số khuyến nghị chính sách như sau:

#### ***Đối với các chủ hộ và hộ gia đình***

Nguồn lực con người có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao thu nhập và thoát nghèo của các hộ gia đình nói chung và các nông hộ nói riêng. Số năm đi học bình quân của các thành viên trong hộ có ảnh hưởng tích cực đến mức độ ĐDHTN. Do vậy, các hộ gia đình cần tạo điều kiện

**Bảng 7:** Kết quả ước lượng mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ ĐDHTN

IHI	Hệ số	Sai số chuẩn	t	Xác suất P>t
<i>Đặc điểm của chủ hộ</i>				
age	0.0016	0.0003	6.2100	0.0000
dt	-0.0763	0.0182	-4.1800	0.0000
<i>Đặc điểm của hộ gia đình</i>				
edu	0.0074	0.0018	4.1200	0.0000
sotv	0.0429	0.0043	9.8600	0.0000
tlld	0.3204	0.0200	16.0300	0.0000
dtnhabq	-0.0009	0.0004	-2.3900	0.0170
thubq	-0.0000	0.0000	-12.8500	0.0000
chiyte	0.0000	0.0000	6.6100	0.0000
chicb	-0.0000	0.0000	-5.1900	0.0000
<i>Đặc điểm của địa phương</i>				
xa135	0.1951	0.0172	11.3300	0.0000
kcttkn	0.0015	0.0007	2.3500	0.0190
choxa	-0.0420	0.0112	-3.7500	0.0000
cssx	-0.0278	0.0167	-1.6600	0.0960
langnghe	-0.0661	0.0153	-4.3200	0.0000
<i>vung</i>				
2	0.2389	0.0166	14.3500	0.0000
3	0.0524	0.0148	3.5400	0.0000
4	-0.2573	0.0271	-9.4900	0.0000
5	-0.4263	0.0250	-17.0700	0.0000
6	-0.1233	0.0178	-6.9400	0.0000
Hệ số chặn	1.8226	0.0372	48.9600	0.0000
Số quan sát			22,112	
R <sup>2</sup>			11.80%	

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả trên VHLSS 2012-2016 bằng phần mềm STATA  
(Ghi chú: Các số trong bảng được viết theo chuẩn quốc tế)

cho các thành viên, đặc biệt là các thành viên trẻ được đi học với mức độ liên tục cao hơn, liên thông các bậc học đều đặn hơn để có thêm cơ hội tìm được các việc làm chính thức phi nông nghiệp, song hành với việc nâng cao hiệu quả làm việc trong nông nghiệp của các thành viên khác trong gia đình, mang lại nguồn thu tốt hơn và bền vững cho hộ gia đình.

Các hộ gia đình nông thôn cần có chiến lược phân bổ và phát triển các nguồn lực về tài sản vật chất và con người nhằm phát huy tiềm năng đa dạng hóa thu nhập. Bên cạnh việc chăm lo cho giáo dục, các hộ gia đình còn phải chú ý đến chăm sóc sức khỏe và nâng cao thể lực của các thành viên trong hộ thông qua mức chi tiêu thường xuyên cho nhu cầu ăn uống cơ bản và chăm sóc sức khỏe, y tế.

Bên cạnh đó, các hộ gia đình nông thôn cũng cần chú trọng đến việc tích lũy tài sản, bao gồm tài sản cố định như xây dựng nhà ở kiên cố, cơ sở vật chất kiên cố phục vụ kinh tế hộ gia đình và hướng tới cung cấp dịch vụ tạo nguồn thu đa dạng; đồng thời tận dụng các nguồn vốn hỗ trợ sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng thu nhập, nâng cao mức sống cho gia đình.

### **Về chính sách đối với các hộ nghèo, hộ đặc biệt khó khăn**

Nghiên cứu cho thấy, các hộ nghèo và đặc biệt khó khăn có động cơ để ĐDHTN cao hơn.

Do vậy, các nhà làm chính sách cần có thêm các chính sách hỗ trợ người dân, đặc biệt là các hộ nghèo để giúp cho người nghèo có thêm cơ hội gia tăng nguồn lực, tận dụng các cơ hội có thêm nguồn thu nhập phi nông nghiệp để thoát nghèo và tránh tái nghèo một cách bền vững.

Hệ thống ngân hàng chính sách xã hội cần duy trì và phát triển hoạt động hỗ trợ xây dựng, nâng cao cơ sở hạ tầng cho các hộ gia đình nghèo và tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình 135 của Chính phủ hoặc các chương trình, dự án tương tự nhằm mục đích đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi giúp phát triển và cải thiện hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát triển các dịch vụ đi kèm giúp các nông hộ nghèo gia tăng thu nhập và

thoát nghèo.

### **Về chính sách đối với các xã**

Các xã vùng sâu, vùng xa cần tiếp tục được hỗ trợ về cơ sở hạ tầng điện, đường, trường, trạm nhằm nâng cao nhân tố “đẩy”, giúp người dân có cơ hội tiếp cận các hoạt động tạo thu nhập phi nông nghiệp, nâng cao thu nhập của hộ gia đình một cách bền vững thông qua tiến trình đẩy mạnh ĐDHTN.

Chính quyền địa phương cần tạo môi trường thuận lợi trao đổi hàng hóa cho người dân trong xã bằng cách tổ chức, xây dựng các chợ dân sinh cũng như đẩy mạnh hệ thống kênh phân phối bán lẻ tương tự và thay thế cho chợ dân sinh truyền thống, đẩy mạnh công tác hỗ trợ xúc tiến thương mại để giúp người dân có điều kiện thương mại hóa các sản phẩm nông nghiệp do hộ gia đình sản xuất đồng thời mua được các nhu yếu phẩm cho gia đình nhằm nâng cao mức sống, tăng cường sức khỏe, giảm các chi tiêu cho y tế, chữa bệnh.

Các xã có làng nghề truyền thống thì cần được đầu tư phát triển, mở rộng thị trường giúp các hộ gia đình có thêm công ăn việc làm phi nông nghiệp, tạo thêm thu nhập bền vững, đồng thời bảo vệ môi trường, duy trì nét văn hóa truyền thống của địa phương gắn với nghề truyền thống, sản vật truyền thống, các chỉ dẫn địa lý, dấu hiệu nhận diện thương hiệu sản phẩm truyền thống của làng nghề địa phương.

### **Chính sách phát triển giáo dục, đào tạo**

#### **Về giáo dục:**

Yếu tố vùng miền và trình độ giáo dục của các thành viên trong hộ gia đình là một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới tỷ trọng các nguồn thu, do đó nhà nước cần đầu tư hơn nữa về giáo dục, cụ thể là tiếp tục xây dựng trường học, đổi mới cơ sở vật chất trang thiết bị học tập, cập nhật học liệu cũng như những phương pháp dạy và học hợp lý,... tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho nền giáo dục phát triển, đặc biệt là đối với các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Lãnh đạo địa phương cần quan tâm sát sao, đưa ra chính sách kịp thời động viên và hỗ trợ người dân trong việc cho con đến trường cũng như trong việc tiếp tục

duy trì quá trình học tập lâu dài, liên tục, thường xuyên và gắn với phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế địa phương theo phương châm “Ly nông bất ly hương”.

**Về đào tạo nghề:**

Trình độ chuyên môn là một trong các yếu tố quan trọng để một người lao động có thể thực hiện tốt công việc của mình. Điều này lại càng có ý nghĩa hơn đối với các hộ gia đình nông thôn Việt Nam, khi việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp đã giúp giảm yêu cầu về nhân lực truyền thống, và nếu không được đào tạo nghề một cách phù hợp, thì tình trạng thất nghiệp tại chỗ ở các vùng nông thôn là không thể tránh khỏi. Việc thiếu kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cũng sẽ hạn chế cơ hội tiếp cận các việc làm phi nông nghiệp, hạn chế các ý tưởng, dự án khởi sự kinh doanh của thanh niên nông thôn, và do đó cản trở các hộ gia đình nông thôn theo đuổi ĐDHTN nhằm cải thiện thu nhập một cách tích cực và bền vững. Việc đầu tư phát triển các trung tâm dạy nghề, trung tâm hướng nghiệp là điều vô cùng quan trọng. Nhà nước cần tạo điều kiện cho các trung tâm dạy nghề, có chính sách ưu đãi về thuế, chính sách xây dựng đầu tư, hỗ trợ đất, cũng như hỗ trợ giáo viên dạy nghề để họ có thể yên tâm trong công tác giảng dạy, đẩy mạnh kết nối doanh nghiệp, doanh nhân địa phương và các tập đoàn lớn tham gia trong đào tạo nghề; cung cấp các chương trình học bổng, hỗ trợ học phí, có các chương trình đào tạo xuất khẩu lao động, cho vay vốn,... để khuyến khích người học nỗ lực hơn; đồng thời cần đẩy mạnh áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong đào tạo và kết nối, tạo cơ hội và hỗ trợ thanh niên nông thôn tốt hơn trong việc chọn trường, chọn nghề, giúp họ dễ dàng hơn trong tiếp cận các cơ hội nghề nghiệp nhằm đẩy mạnh ĐDHTN cho các hộ gia đình nông thôn. ♦

**Tài liệu tham khảo:**

1. Bernard Archibald Senyo Agyeman, Samuel Asuming-Brempong and Edward Ebo Onuma

(2014), *Determinants of Income Diversification of Farm Households in the Western Region of Ghana*, Quarterly Journal of International Agriculture 53, No. 1: 55-72

2. Ellis, F. (2000a), *The determinants of rural livelihood diversification in developing countries*, Journal of Agricultural Economics 51 (2): 289-302.

3. Ellis, F. (2000b), *Rural livelihoods and Diversity in Developing Countries*, Oxford University Press, Oxford.

4. Idowu, A.O., J.O.Y. Aihonsu, Olubanjo and A.M. Shitu (2011), *Determinants of Income Diversification Amongst Rural farm households in South West Nigeria*, Economics and Finance Review 1 (5): 31-43.

5. Minot, N., M. Epprecht, T.T.T. Anh and L.Q. Trung (2006), *Income diversification and poverty in the Northern Upland of Vietnam*. Research Report No. 145, International Food Policy Research Institute, Washington, DC.

6. Schwarze, S. and M. Zeller (2005), *Income diversification of rural households in Central Sulawesi*, Indonesia, Quarterly Journal of International Agriculture 44 (1): 61-73.

**Summary**

The study uses the regression analysis with 2012 – 2016 Viet Nam Household Living Standards Survey data by General Office of Statistics. The results show that the determinants of rural households income diversification in Vietnam include (i) demographic characteristics of owners such as age, education and ethnic group; (ii) household characteristics such as size, labour, labour capital, assets, average income, regular spending for food and healthcare; (iii) characteristics of local residence such as communes under Program 135, communes with markets, production units, handicraft villages and distance between communes and agricultural extension centers.